

HỘ KINH DOANH TƯ DUNG

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

của cơ sở

TRẠI CHĂN NUÔI GÀ TƯ DUNG

ĐỊA ĐIỂM: HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

Trà Vinh, tháng 02/2023

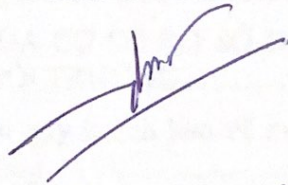
HỘ KINH DOANH TƯ DUNG

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**
của cơ sở

TRẠI CHĂN NUÔI GÀ TƯ DUNG

ĐỊA ĐIỂM: HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

CHỦ CƠ SỞ



NGUYỄN THANH HIỀN

Trà Vinh, tháng 02 năm 2023

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	3
DANH MỤC BẢNG.....	4
DANH MỤC HÌNH.....	5
CHƯƠNG I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ CƠ SỞ	0
1.1. Tên chủ cơ sở.....	0
1.2. Tên cơ sở.....	0
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở	2
1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở	2
1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở.....	4
1.3.3. Sản phẩm của cơ sở.....	6
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở	6
1.4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên, vật liệu tại cơ sở.....	6
1.4.1. Nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp điện	7
1.4.2. Nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp nước	7
CHƯƠNG II SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ CƠ SỞ ĐỐI VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	8
2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	8
2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường	8
2.2.1. Đối với môi trường nước	8
2.2.2. Đối với môi trường không khí	8
CHƯƠNG III KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	10
3.1. Công trình biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	10
3.1.1. Hệ thống thu gom, thoát nước mưa	10
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải.....	10
3.1.3. Xử lý nước thải	10
3.2. Công trình biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	12
3.2.1. Giảm thiểu mùi, bụi từ hoạt động chăn nuôi	12

3.2.2. Giảm thiểu bụi do hoạt động giao thông	13
3.2.2. Giảm thiểu bụi, khí thải do hoạt động của máy phát điện	13
3.3. Công trình, lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:.....	13
3.3.1. Đối với chất thải rắn sinh hoạt:.....	13
3.3.2. Đối với chất thải rắn trong chăn nuôi	14
3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....	15
3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	16
3.5.1. Đối với máy phát điện.....	16
3.5.2. Đối với tiếng ồn do gia cầm.....	16
3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	17
3.6.1. Sự cố hoá chất	17
3.6.2. Sự cố cháy nổ	17
3.7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác	17
3.7.1. Bảo quản và sử dụng thuốc, vacxin	17
3.7.2. Kiểm soát các loài gặm nhấm, côn trùng	18
3.7.3. Các biện pháp phòng ngừa dịch bệnh	18
Chương IV NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	21
4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải.....	21
4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:.....	21
4.3. Nội dung cấp phép đối với tiếng ồn:.....	21
CHƯƠNG V KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	22
5.1. Kết quả quan trắc chất lượng không khí xung quanh	22
Chương VI CHƯƠNG TRÌNH QUAN QUẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	24
Chương VII KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ.....	25
CHƯƠNG VIII CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....	26

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
CP	Chính phủ
CTNH	Chất thải nguy hại
CTRSH	Chất thải rắn sinh hoạt
CTR	Chất thải rắn
NĐ	Nghị định
QCVN	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia
QĐ	Quyết định
TT	Thông tư
UBND	Ủy ban nhân dân
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
GPMT	Giấy phép môi trường

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1: Tọa độ giới hạn các điểm góc của cơ sở	1
Bảng 1.2. Các công trình chính của cơ sở	2
Bảng 1.3. Các công trình phụ trợ của cơ sở.....	3
Bảng 1.4. Các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở.....	3
Bảng 1.5. Nhu cầu nguyên, vật liệu, thuốc thú ý, hoá chất phục vụ trong 01 đợt nuôi tại cơ sở	7
Bảng 2.1. Kết quả thử nghiệm môi trường không khí bên trong cơ sở	8
Bảng 3.1. Thông số kỹ thuật bể tự hoại của cơ sở	10
Bảng 3.2. Thành phần chất thải rắn sinh hoạt.....	14
Bảng 3.3. Các loại chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở	15
Bảng 4.1. Bảng giá trị giới hạn tiếng ồn	21
Bảng 5.1. Kết quả quan trắc chất lượng không khí tại khu vực bên trong cơ sở	22

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1. Sơ đồ trang trại gà.....	1
Hình 1.2. Quy trình chăn nuôi tại cơ sở.....	4
Hình 3.1. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại.....	11

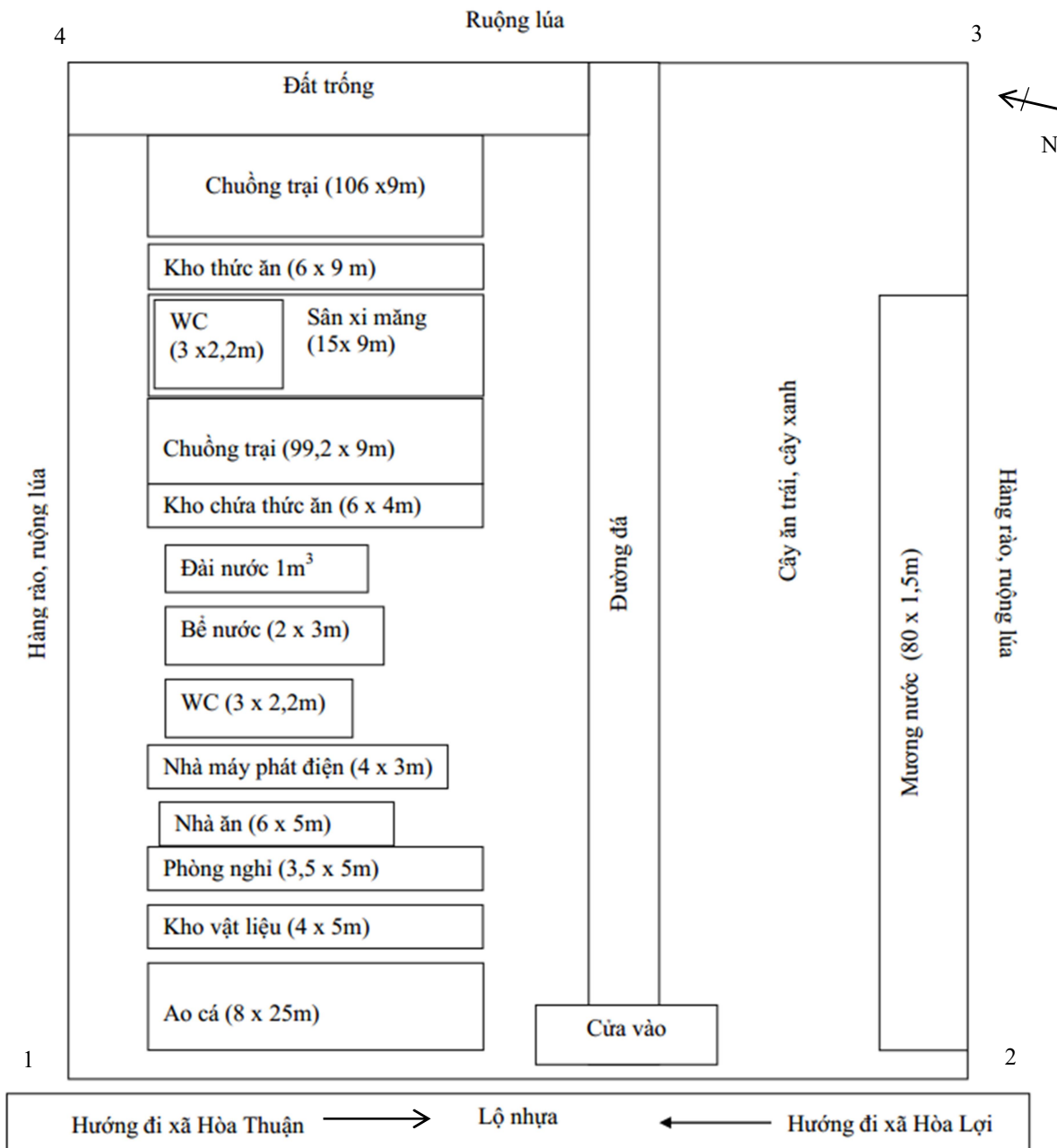
CHƯƠNG I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ CƠ SỞ

1.1. Tên chủ cơ sở

- Tên chủ cơ sở: Hộ kinh doanh Tư Dung
- Tên chủ hộ kinh doanh: Nguyễn Thanh Hiền
- Địa chỉ liên hệ: Ấp Bãi Vàng, xã Hưng Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

1.2. Tên cơ sở

- Tên cơ sở: “Trại chăn nuôi gà Tư Dung”.
- Địa điểm cơ sở: ấp Truôn, xã Hoà Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Diện tích cơ sở là 7.089m² thuộc thửa đất số 64, tờ bản đồ số 51. Có tứ cận tiếp giáp như sau:
 - + Phía Đông: giáp đất ruộng;
 - + Phía Tây: giáp đường nhựa, kế đến là kênh thủy lợi;
 - + Phía Bắc: giáp đất vườn và đất ruộng;
 - + Phía Nam: giáp ruộng.
- Vị trí thực hiện cơ sở tiếp giáp với lộ nhựa do đó tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình xuất nhập hàng.
- Khu vực xung quanh cơ sở trong bán kính 100m không có các công trình văn hóa, tôn giáo, các di tích lịch sử, các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, khu đô thị và khu dân cư, do đó các loại chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động chăn nuôi không gây tác động tiêu cực đến các đối tượng trên cho nên chủ cơ sở có thể quản lý, xử lý tốt.
- Sơ đồ mô tả vị trí cơ sở được thể hiện như sau:



Hình 1.1. Sơ đồ trang trại gà

- Tọa độ giới hạn các điểm góc của cơ sở được thể hiện như sau (Hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°):

Bảng 1.1: Tọa độ giới hạn các điểm góc của cơ sở

STT	Ký hiệu điểm	Tọa độ (Hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°)	
		X	Y
1	Điểm 1	1097230	596021
2	Điểm 2	1097211	596032

STT	Ký hiệu điểm	Toạ độ (Hệ toạ độ VN-2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°)	
		X	Y
3	Điểm 3	1097367	596331
4	Điểm 4	1097370	590833

- **Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của cơ sở:**

Cơ sở đi vào hoạt động từ năm 2016 đến nay, cơ sở đã được phê duyệt kế hoạch bảo vệ môi trường theo Giấy xác nhận số 36/XN-UBND ngày 13/6/2016 của UBND huyện Châu Thành.

- **Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công)**

+ Cơ sở có vốn đầu tư 6,0 tỷ đồng và căn cứ theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 8 và khoản 3 điều 10 của Luật đầu tư công số 39/2019/QH14 thì cơ sở thuộc nhóm C.

+ Căn cứ theo quy định tại số thứ tự thứ 2 Mục II Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ thì cơ sở thuộc nhóm III.

+ Căn cứ khoản 2, điều 39 và khoản 4, Điều 41 của Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 thì cơ sở thuộc đối tượng phải có GPMT môi trường trình UBND huyện Châu Thành thẩm định và cấp phép.

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

Cơ sở chủ yếu chăn nuôi gà thịt gia công với khoảng 25.000 con/năm, bình quân mỗi đợt nuôi 4 tháng, mỗi năm nuôi 2,5 đợt. Hàng năm cung cấp khoảng 75.000 kg thịt gà sạch cho thị trường.

Cơ sở đã đầu tư các hạng mục công trình chính, phụ và BVMT bao gồm:

- Hạng mục công trình chính được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 1.2. Các công trình chính của cơ sở

STT	Tên hạng mục	Diện tích (m ²)	Tỉ lệ (%)
1	Kho chứa thức ăn	-	-
1.1	+ Kho chứa thức ăn 1	24	0,34
1.2	+ Kho chứa thức ăn 2	54	0,76

STT	Tên hạng mục	Diện tích (m ²)	Tỉ lệ (%)
2	Chuồng trại	-	-
2.1	+ Chuồng trại 1	892,8	12,6
2.2	+ Chuồng trại 2	954	13,46
3	Kho vật liệu	20	0,28
Tổng cộng		1.944,8	27,44

- Hạng mục công trình phụ trợ của cơ sở gồm:

Bảng 1.3. Các công trình phụ trợ của cơ sở

STT	Tên hạng mục	Diện tích (m ²)	Tỉ lệ (%)
1	Phòng nghỉ nhân viên	17,5	0,25
2	Nhà ăn	30	0,42
3	Nhà máy phát điện	12	0,17
4	Bể nước	6	0,08
5	Đài nước	1m ³	-
6	Sân đường nội bộ	3.803,35	53,65
7	Cây xanh	1.063,35	15,00
8	Hệ thống cấp điện	-	-
9	Hệ thống cấp nước	-	-
10	Hàng rào	-	-
Tổng cộng		4.932,20	69,57

Chủ cơ sở xây tường rào xung quanh khuôn viên cơ sở cao 3m, bề dày tường rào là 10cm.

- Hạng mục công trình bảo vệ môi trường của cơ sở gồm:

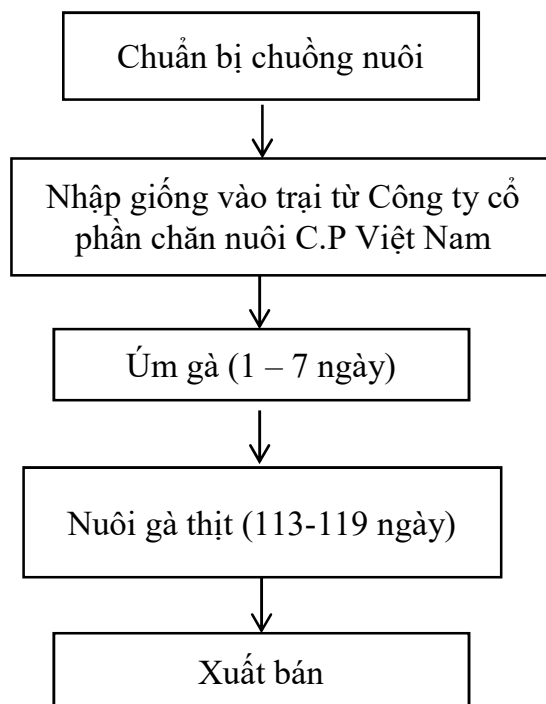
Bảng 1.4. Các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở

STT	Tên hạng mục	Diện tích (m ²)	Tỉ lệ (%)
1	Ao cá	200	2,82

STT	Tên hạng mục	Diện tích (m ²)	Tỉ lệ (%)
2	Mương nước	12	0,17
3	HT thu gom nước thải	-	-
Tổng cộng		212	2,99

1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

Quy trình chăn nuôi của cơ sở như sau:



Hình 1.2. Quy trình chăn nuôi tại cơ sở

*Thuyết minh quy trình:

- Giai đoạn chuẩn bị chuồng nuôi: Mỗi chuồng đổ một lớp trấu và mụn dừa dày trên sàn, pha thuốc để phun sát trùng bên trong và cách xa bên ngoài chuồng 5m. Cứ sau 2-3 ngày tiến hành cào trên bề mặt đệm lót một lần và phun chế phẩm sinh học để giúp cho đệm lót được tơi xốp, phân được phân hủy nhanh hơn. Thời gian dài hay ngắn tùy thuộc vào mặt đệm lót bị nén chặt hay không và lượng phân gà nhiều hay ít. Trong quá trình cào trên bề mặt đệm lót không được cào sâu xuống sát nền chuồng. Đối với chuồng cũ cần làm sạch lớp chất đệm có phân trên sàn và quét mạng nhện, xong đổ lớp trấu mới rồi phun thuốc sát trùng.

- Chọn giống: Gà giống là con giống khỏe mạnh do Công ty cổ phần chăn nuôi C.P Việt Nam cung cấp.

- Các bước nuôi gà:

+ Nuôi gà thịt, có thể chia giai đoạn phát triển của gà thành 3 giai đoạn chính:

📌 **Giai đoạn gà con (1 - 10 ngày tuổi):** Đây là giai đoạn khởi điểm của gà đòi hỏi người chăn nuôi phải chăm sóc thật chu đáo.

- **Úm gà con:** Úm gà tức tạo nhiệt nhân tạo để sưởi ấm cho gà đáp ứng nhu cầu nhiệt của gà vì gà trong tự nhiên được gà mẹ ấp. Tùy theo điều kiện khí hậu từng vùng mà thời gian úm dài hay ngắn, điển hình như khí hậu miền Nam, thời gian úm gà là 7 ngày.

- **Chăm sóc nuôi dưỡng:** Cần quan sát sự phân bố của đàn gà trong quá trình úm để điều chỉnh nhiệt, thoáng cho phù hợp. Cứ 3 ngày mở rộng cót quay ra để tăng diện tích phù hợp với sự tăng trưởng của đàn .

- **Nước uống:** Nước là nhu cầu chủ yếu trong ngày đầu của gà, cần cho tổng đàn gà uống đều nước nên thao tác thả gà rất quan trọng, nên thả gà xung quanh máng nước để gà dễ dàng tiếp xúc với nước. Cần quan sát gà uống nước, những chú gà con nào chưa tiếp xúc nước cần chủ động đẩy miệng gà vào nước cho gà uống được nước, nhanh hồi phục sức khỏe. Nước uống cũng không nên đổ quá đầy bình, thường xuyên thay bình nước để hạn chế nhiễm bẩn trấu, phân vào nước.

- **Thức ăn:** Gà ăn chế độ ăn tự do, bằng khay trong 3 ngày đầu, cho làm nhiều đợt (ít nhất 8-9 lần (ngày) để kích thích tính thèm ăn của gà, đồng thời hạn hiện tượng xuất hiện phân gà trong khay. Sau 3 ngày, ta chuyển cho gà ăn trên máng, với độ cao phù hợp. Số lượt cho ăn giảm dần còn khoảng 5-6 lượt/ngày.

📌 **Giai đoạn gà thịt (từ 10 ngày tuổi đến chờ xuất)**

- Giai đoạn gà thịt là giai đoạn gà có biến đổi thể trạng nhiều nhất (khung xương, độ lông), do đó đòi hỏi phương cách chăn nuôi cũng khác.

- Giai đoạn này ta nên cho gà ăn chế độ ăn định lượng, số bữa ăn giảm xuống còn khoảng 2-3 lượt/ngày, nhằm giảm tốc độ phát triển quá nhanh của gà, cũng như hạn chế bệnh báng gà (ascites) về sau. Cụ thể, sau 2 ngày ta chỉ tăng khoảng 3-5% trong tổng lượng ăn của gà.

- Từ giai đoạn này, chuồng trại cần độ thông thoáng vì nhiệt từ cơ thể gà tỏa ra rất lớn (hô hấp, thân nhiệt,...), tốc độ gió cần thiết trong trại để tạo độ thoáng là 2m/s.

📌 **Giai đoạn vỗ béo xuất chuồng (5-7 ngày trước khi xuất chuồng)**

- Đây là giai đoạn rất quan trọng, cần hạn chế các hoạt động gây xáo trộn đàn (thay trấu, cho ăn, cho uống thật sự nhẹ nhàng) vì đây là tuần gà có hiện tượng đột tử do “stress” là rất lớn. Tuy nhiên ta vẫn cần cho gà ăn với chế độ tự do để kích thích gà tăng trưởng nhanh, đạt trọng lượng khi xuất thịt. Để giảm hao hụt tổng đàn, ta nên chú ý cao đến độ thoáng của chuồng (tốc độ gió

khoảng 2-3 m/s), đồng thời thường xuyên bổ sung hỗn hợp vitamin C để trợ sức, giảm sự ức chế cho gà.

- Tất cả các phương tiện cũng như người ra vào khu vực trại chăn nuôi đều phải qua hệ thống khử trùng. Bên cạnh đó, tất cả các dụng cụ, giày dép, quần áo,... sau khi đã sử dụng trong chuồng gà phải cọ rửa, giặt sạch ngay và khử trùng kỹ để sử dụng cho lần sau. Chỉ có việc cần thiết như cho ăn, vệ sinh, phòng dịch, xử lý gà chết... thì công nhân mới được vào chuồng gà. Trại chăn nuôi gà hạn chế thấp nhất việc công nhân chăn nuôi và người ngoài tiếp xúc trực tiếp với gà. Tất cả gà chết không phải do dịch bệnh và trong tỷ lệ cho phép đều phải qua kiểm tra của cán bộ kỹ thuật, sau đó được xử lý theo quy định.

- Các quy trình nhập, quản lý và xuất đàn gia cầm, kiểm tra, bảo quản thức ăn, nước uống, nguyên liệu, quy trình bảo quản, sử dụng thuốc thú y được thực hiện đúng và đầy đủ theo Quyết định số 1504/QĐ-BNN-KHCN ngày 15/5/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc ban hành quy trình thực hành chăn nuôi tốt cho chăn nuôi gia cầm an toàn.

- Vệ sinh chuồng sau khi xuất gà: Sau khi xuất gà sẽ tiến hành vệ sinh toàn bộ hệ thống chuồng trại. Chuồng nuôi sẽ được vệ sinh lau chùi sạch trần, vách, còn nền sẽ được phun rửa, xử lý chất thải.

- Quy trình thay vật liệu lót nền chuồng: Sau mỗi đợt xuất bán gà (mỗi năm nuôi khoảng 2,5 đợt), công nhân sẽ thu gom lớp lót chuồng vào bao và cho lên xe vận chuyển, thu gom bao nhiêu cho lên xe bấy nhiêu, sau khi thu gom tiến hành vệ sinh, tẩy rửa, phun thuốc sát trùng, cách ly chuồng từ 7 – 10 ngày mới tiến hành thay lớp trấu và mụn dừa và thả nuôi đợt tiếp theo.

Toàn bộ gà xuất bán được Công ty Cổ phần chăn nuôi C.P Việt Nam bao tiêu.

1.3.3. Sản phẩm của cơ sở

Quy mô của cơ sở là 25.000 con gà thịt/năm. Trọng lượng mỗi con gà thịt xuất bán đạt khoảng từ 1,5kg – 3 kg và tỉ lệ hao hụt gà chiếm khoảng 3%. Bình quân mỗi năm cung cấp cho thị trường ở địa phương khoảng 72.750 kg thịt gà sạch.

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

1.4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên, vật liệu tại cơ sở

Nhu cầu nguyên, vật liệu phục vụ cho cơ sở trong một đợt nuôi được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 1.5. Nhu cầu nguyên, vật liệu, thuốc thú y, hoá chất phục vụ trong 01 đợt nuôi tại cơ sở

STT	Tên nguyên – vật liệu, hoá chất	Đơn tính	Số lượng
I. Nguyên liệu đầu vào			
1	Gà giống	Con	25.000
2	Lượng thức ăn	Tấn	40
II. Thuốc thú y, hoá chất			
1	Lasota H120	Lọ	27
2	Avinew neo	Lọ	16
3	Cầu trùng	Lọ	31
4	H ₅ N ₁	Lọ	38
5	Extreme	Lọ	13
6	NP	Lọ	31
7	Thuốc sát trùng	Can	3
8	Amoxcol, Flor 50 12+1, Doxy 12+1	Kg	4

1.4.1. Nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp điện

- Nguồn điện được cấp: Chủ cơ sở sử dụng từ trạm điện hạ thế để phục vụ quá trình chăn nuôi. Nguồn điện được cung cấp từ Công ty Điện lực Trà Vinh – Điện lực Châu Thành.

- Lượng điện dùng cho máy bơm nước, máy phát điện, đèn chiếu sáng khoảng 900kw/tháng.

- Tại cơ sở có trang bị một máy phát điện dự phòng có công suất 90kVA để sử dụng khi có sự cố mất điện.

1.4.2. Nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp nước

Nguồn cấp nước: Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh.

*Nhu cầu sử dụng nước tại cơ sở:

- Nhu cầu nước uống cho gà: Mỗi ngày, nhu cầu nước của gà khoảng 250 ml/con. Tổng lượng nước cần cho gà uống một ngày:

$$10.000 \text{ con} \times 250 \text{ ml/con.ngày} : 10^6 = 2,5 \text{ m}^3/\text{ngày}.$$

- Nhu cầu nước cấp sinh hoạt: Có 04 nhân viên làm việc trực tiếp tại cơ sở, định mức nước cấp tối thiểu là 80 lít/người/ngày.đêm. Vậy, lượng nước cấp sinh hoạt cho nhân viên tại cơ sở là 0,32 m³/ngày.

- Nhu cầu nước cho vệ sinh chuồng trại: lượng nước sử dụng khoảng 69 m³/2 đợt/năm.

CHƯƠNG II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ CƠ SỞ ĐỐI VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

- Với quy mô nuôi của cơ sở là 25.000 con/năm thì cơ sở là trại chăn nuôi quy mô vừa. Trong bán kính 300m xung quanh cơ sở không có trường học, bệnh viện, chợ, nguồn cung cấp nước sinh hoạt cho cộng đồng dân cư, trong bán kính 200m không có khu công nghiệp, khu dân cư. Vậy vị trí cơ sở là phù hợp với quy định tại Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT.

- Mỗi quan hệ với các cơ sở khác: Xung quanh khu vực cơ sở không có khu di tích lịch sử, khu du lịch và diện tích dành riêng cho quốc phòng.

- Về quy hoạch: vị trí cơ sở không nằm trong quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng các khu chức năng của huyện Châu Thành và tỉnh Trà Vinh.

2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

2.2.1. Đối với môi trường nước

- Nước thải phát sinh từ quá trình sinh hoạt của công nhân khoảng $0,256\text{m}^3$ (lượng nước thải ra bằng 80% lượng nước cấp) được thu gom và xử lý bởi hầm tự hoại sau đó thải ra ao cá phía trước chuồng nuôi.

- Nước thải trong quá trình chăn nuôi hầu như không có, bình quân sau đợt nuôi 4 tháng công nhân mới quét dọn, vệ sinh chuồng trại, lượng nước này được dẫn ra ao nuôi cá của cơ sở. Do lượng nước này rất ít nên không thải ra môi trường.

Như vậy, với quy mô hoạt động của trang trại thì lượng nước thải phát sinh rất ít. Nước thải không thải ra kênh thủy lợi gần khu vực cơ sở nên không ảnh hưởng đến khả năng chịu tải của môi trường.

2.2.2. Đối với môi trường không khí

Để đánh giá hiện trạng môi trường không khí tại khu vực hoạt động của cơ sở, chủ cơ sở phối hợp với Công ty Cổ phần Xây dựng và Môi trường Đại Phú lấy và thử nghiệm 01 mẫu không khí xung quanh vào ngày 06/01/2023.

+ Vị trí giám sát: Không khí xung quanh khu vực bên trong cơ sở (mẫu 23.0016.K.01)

+ Thông số: Tiếng ồn, tổng bụi lơ lửng, SO_2 , NO_2 , NH_3 , H_2S , CO .

Bảng 2.1. Kết quả thử nghiệm môi trường không khí bên trong cơ sở

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 05:2013/BTNMT
1	Tổng bụi lơ lửng	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	87	300 ⁽¹⁾

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 05:2013/BTNMT
2	NO ₂	µg/m ³	54	200 ⁽¹⁾
3	SO ₂	µg/m ³	62	350 ⁽¹⁾
4	H ₂ S	µg/m ³	<17,3	42 ⁽²⁾
5	NH ₃	µg/m ³	<35,4	200 ⁽²⁾
6	CO	µg/m ³	<9.000	30.000 ⁽²⁾
7	Tiếng ồn	dBA	54,7	70 ⁽³⁾

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Môi trường Đại Phú, 2023)

**Chú thích:*

1. (1) QCVN 05:2013/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

2. (2) so sánh với QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

3. (3) so sánh với QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

**Nhận xét:*

Qua kết quả phân tích tại bảng trên cho thấy các thông số đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh, QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh và tiếng ồn phát sinh cũng nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 26:2010/BTNMT.

CHƯƠNG III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1. Công trình biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Hệ thống thu gom, thoát nước mưa

Cơ sở đã đầu tư xây dựng hệ thống thu gom và thoát nước mưa cụ thể như sau:

- Đối với khu vực chuồng trại: Nước mưa từ mái nhà sẽ chảy tràn xuống rãnh bê tông (kích thước: dài x rộng x sâu = 440 x 0,3 x 0,3m) bố trí dọc theo chuồng nuôi sau đó dẫn ra ao cá.

- Đối với khu vực còn lại: nước mưa chảy tràn tự nhiên vào mương thoát nước (kích thước: dài x rộng x sâu = 80 x 1,5 x 1m) dọc theo hàng rào.

- Ngoài ra, chủ cơ sở còn bố trí công nhân quét dọn trong trại, thường xuyên nạo vét, dọn dẹp vệ sinh các hệ thống mương rãnh thoát nước tránh bị ùn tắc hệ thống thoát nước đồng thời tiếp tục duy trì biện pháp bảo vệ môi trường đã thực hiện để đảm bảo chất lượng nguồn nước mưa.

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải

Công trình thu gom, thoát nước thải tại cơ sở như sau:

- Nước thải sinh hoạt: từ hoạt động sinh hoạt của công nhân ước tính khoảng 0,256 m³/ngày. Nước thải từ nhà vệ sinh sẽ được thu gom và xử lý bởi hầm tự hoại 02 ngăn. Nước thải sau hầm tự hoại được cho tự thấm.

- Nước thải chăn nuôi: từ hoạt động vệ sinh chuồng trại sau mỗi đợt nuôi, ước tính khoảng 22 m³/đợt. Nước thải được thu gom bởi rãnh bê tông (kích thước: dài x rộng x sâu = 440 x 0,3 x 0,3m) bố trí dọc theo chuồng nuôi sau đó dẫn ra ao cá.

3.1.3. Xử lý nước thải

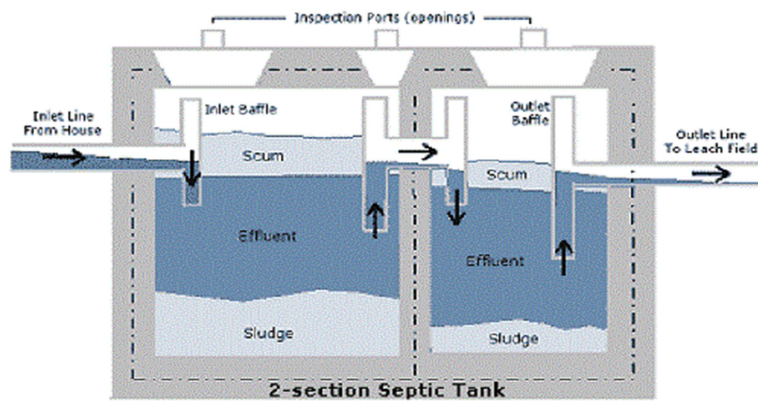
a. Nước thải sinh hoạt

Chủ cơ sở đã xây dựng bể tự hoại 2 ngăn để xử lý toàn bộ nước sinh hoạt phát sinh tại cơ sở. Tại cơ sở có 02 nhà vệ sinh và 04 hầm tự hoại. Vậy tổng thể tích hầm tự hoại mà chủ cơ sở đã đầu tư là 16m³.

Bảng 3.1. Thông số kỹ thuật bể tự hoại của cơ sở

STT	Tên thiết bị	Thông số kích thước (m)			Đặc điểm
		Dài	Rộng	Cao	
1	Hầm tự hoại	2	2	1	02 ngăn, BTCT

Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại được thể hiện qua hình sau:



Hình 3.1. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại

***Nguyên lý hoạt động**

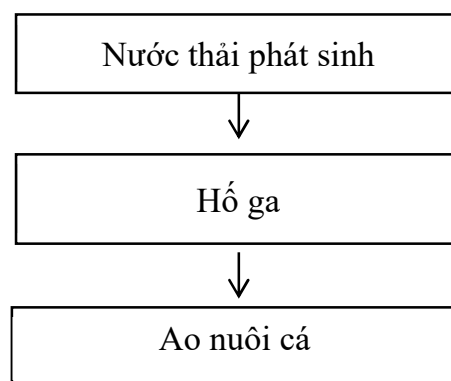
- Nước thải được thu gom vào hầm chứa của bể tự hoại. Tại đây, chúng sẽ được phân hủy dưới tác động từ vi khuẩn kỵ khí rồi lên men và tự chuyển hóa thành bùn cặn lắng xuống đáy bể. Phần nước chứa hợp chất lơ lửng ở phía trên sẽ theo đường ống chảy sang ngăn bể lắng.

- Tại ngăn lắng, các chất cặn bã còn lại sẽ tiếp tục lắng xuống; phần nước còn lại sẽ chảy ra ngoài theo đường của hệ thống thải. Lúc này nước thải đã trong hơn, không còn nặng mùi như lúc đầu. Bể tự hoại có thời gian lưu bùn lâu nhờ vậy hiệu suất xử lý chất ô nhiễm tăng, đồng thời lượng bùn cần xử lý giảm. Trong mỗi bể tự hoại đều có ống thông hơi để giải phóng lượng khí sinh ra trong quá trình lên men và thông các ống đầu vào, đầu ra khi bị nghẹt.

- Nước thải sau khi xử lý bằng bể tự hoại được xử lý bằng hình thức tự thấm.

b. Nước thải từ quá trình vệ sinh chuồng nuôi

Quy trình xử lý nước thải từ vệ sinh chuồng nuôi như sau:



Hình 3.2. Quy trình xử lý nước thải chăn nuôi

***Thuyết minh quy trình:**

Nước thải phát sinh từ hoạt động vệ sinh chuồng trại sẽ chảy vào rãnh bê tông. Nước thải trước khi được dẫn ra ao nuôi cá sẽ chảy qua 05 hố ga có kích thước: dài x rộng x cao = 1x1x1m, kết cấu: bê tông. Ao nuôi cá có kích thước: dài x rộng x cao = 25 x 8 x 2m. Vậy với thể tích là 400m³ thì đảm bảo ao có khả năng lưu chứa toàn bộ lượng nước thải phát sinh từ quá trình chăn nuôi của cơ sở và không thải ra bên ngoài.

3.2. Công trình biện pháp xử lý bụi, khí thải

Hoạt động của cơ sở sẽ phát sinh mùi, bụi và khí thải nhưng mức độ tác động là không đáng kể do vị trí cơ sở nằm cách xa khu vực dân cư, môi trường xung quanh thông thoáng. Các biện pháp giảm thiểu tác động đã và đang được áp dụng tại cơ sở như sau:

3.2.1. Giảm thiểu mùi, bụi từ hoạt động chăn nuôi

***Mùi, hơi từ hoạt động khử trùng**

Mùi, hơi từ thuốc sát trùng chủ yếu ảnh hưởng đến công nhân tiếp xúc trực tiếp. Vì vậy chủ cơ sở đã trang bị khẩu trang, bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại cơ sở và trồng cây xanh trong khuôn viên cơ sở.

***Mùi và bụi từ quá trình chăn nuôi**

Chủ cơ sở sử dụng lớp lót đệm sinh học rải trâu và mụn dừa trong quá trình chăn nuôi gà. Các vi sinh vật có trong đệm sinh học sử dụng trực tiếp đạm thừa trong phân, trong thức ăn rơi vãi,... có khả năng hấp phụ rất mạnh thành phân khí thối (như NH₃, H₂S, Amin hữu cơ,...) ở mức cao nhất, đặc biệt là trong nền đệm lót được làm từ nguyên liệu là trâu và mụn dừa vừa có độ cứng và độ xốp lớn nên khả năng hấp phụ lớn hơn nhiều so với các loại nguyên liệu khác.

Ưu điểm của giải pháp này là không cần dọn phân khi rửa chuồng, giảm nhân công, giảm lượng nước và lượng điện tiêu thụ, giảm tỷ lệ bệnh, giảm chi phí thuốc thú y, tăng năng suất vật nuôi, giúp giảm mùi hôi, khí độc trong chuồng giúp cho môi trường không khí khu vực cơ sở không ô nhiễm, hạn chế tác động đến người lao động.

Ngoài ra để tăng hiệu quả xử lý, chủ cơ sở áp dụng các biện pháp:

- + Xây dựng chuồng trại cao ráo, thông thoáng.
- + Phân vùng quản lý và thu gom chất thải: bố trí công nhân thu gom chất thải, quét dọn vệ sinh chuồng trại để xử lý, tránh gây phát tán ra môi trường xung quanh.
- + Thường xuyên nạo vét, khơi thông các công trình thu gom nước thải tránh gây ứ đọng, phát sinh mùi hôi.

3.2.2. Giảm thiểu bụi do hoạt động giao thông

Mức độ ô nhiễm của khí thải phát sinh từ phương tiện giao thông ngoài việc phụ thuộc vào chủng loại nhiên liệu sử dụng còn phải phụ thuộc vào động cơ của các phương tiện. Tuy nhiên để đảm bảo an toàn cho các vật nuôi, hạn chế dịch bệnh, tại cơ sở cũng hạn chế người ra vào nên số lượng các phương tiện giao thông xuất hiện tại khu vực cơ sở là ít, mức độ tác động là không đáng kể. Tại cơ sở cũng đã áp dụng các biện pháp sau:

- Tưới nước tuyến đường nội bộ của cơ sở vào mùa nắng nóng, gió nhiều nhằm giảm lượng bụi phát tán vào không khí.
- Yêu cầu các xe lưu thông trong khuôn viên trại phải giảm tốc độ (<10km/h).
- Trồng nhiều cây xanh xung quanh trại nhằm tránh bụi phát tán nhiều vào không khí.

3.2.2. Giảm thiểu bụi, khí thải do hoạt động của máy phát điện

Để giảm thiểu bụi, khí thải do hoạt động của máy phát điện, chủ cơ sở thực hiện các biện pháp sau:

- Thường xuyên bảo trì máy phát điện;
- Sử dụng nhiên liệu đúng với yêu cầu thiết kế;
- Xây dựng kho chứa máy phát điện;
- Trồng cây xanh để điều hòa vi khí hậu.

3.3. Công trình, lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:

3.3.1. Đối với chất thải rắn sinh hoạt:

Rác thải sinh hoạt phát sinh chủ yếu từ quá trình sinh hoạt hàng ngày của công nhân. Thành phần chất thải rắn sinh hoạt phát sinh bao gồm:

- Các hợp chất có nguồn gốc hữu cơ như thực phẩm, rau quả, thức ăn dư thừa,...
- Các hợp chất có nguồn gốc giấy từ các loại bao gói đựng đồ ăn, thức uống,...
- Các hợp chất hữu cơ không có khả năng phân hủy sinh học như nhựa, plastic, PVC,...

Trong đó thành phần hữu cơ dễ phân hủy (chủ yếu từ quá trình nấu ăn) chiếm trên 50% có thể phân hủy gây mùi hôi khó chịu nếu không được quản lý và xử lý thích hợp.

Bảng 3.2. Thành phần chất thải rắn sinh hoạt

STT	Thành phần	Tỉ lệ (%)	STT	Thành phần	Tỉ lệ (%)
1	Thực phẩm thừa	9	7	Gỗ	2
2	Giấy	34	8	Thuỷ tinh	8
3	Carton	6	9	Can thiếc	6
4	Nhựa cứng	7	10	Nhôm	0,5
5	Vải vụn	2,5	11	Kim loại khác	3
6	Rác vườn	19	12	Xà bần, tro	3

(Nguồn: Quản lý và xử lý CTR, Nguyễn Văn Phước, NXB ĐHQG Tp HCM, 2007)

Theo QCVN 01:2021/BXD thì định mức phát sinh CTR sinh hoạt là 0,8 kg/người/ngày. Với số lượng nhân viên làm việc tại cơ sở là 4 người thì khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh ước tính như sau:

$$Q_{SH} = 0,8 \times 4 = 3,2 \text{ kg/ngày.}$$

Để giảm thiểu ảnh hưởng của chất thải rắn sinh hoạt, chủ cơ sở áp dụng biện pháp sau:

- Bố trí 01 thùng nhựa có thể tích 15L để thu gom chất thải rắn sinh hoạt.
- Cuối ngày, công nhân mang rác đến bãi chứa rác gần khu vực cơ sở.
- Đặt thùng chứa rác ở nơi có mái che để tránh bị ảnh hưởng bởi nước mưa chảy tràn.

Nhìn chung, các biện pháp quản lý và xử lý CTR đã được và đang áp dụng phù hợp với điều kiện thực tế tại cơ sở, đảm bảo xử lý triệt để lượng chất thải phát sinh, không tồn đọng hay gây mất vệ sinh môi trường.

3.3.2. Đối với chất thải rắn trong chăn nuôi

Chủ cơ sở thực hiện thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động chăn nuôi tại cơ sở như sau:

- Phân gà và độn sinh học lót phía dưới chuồng nuôi sẽ được công nhân thu gom cho vào bao và mang đi bán cho các hộ dân có nhu cầu. Sau khi quét dọn xong chủ cơ sở sẽ tiếp tục rải trấu, mụn dừa để thu gom phân của gia cầm và để hạn chế mùi hôi. Khối lượng độn sinh học phát sinh ước tính khoảng 40 kg/đợt tương đương 100 kg/năm. Trong quá trình thu gom phân gà và độn sinh học, các giải pháp được thực hiện nhằm hạn chế ô nhiễm môi trường như:

- + Bao bì đựng thức ăn: Toàn bộ bao bì đựng thức ăn phát sinh hằng ngày sẽ được thu gom và lưu chứa trong kho chứa thức ăn của trại nuôi và được tái sử dụng để chứa phân gà và độn sinh học trong các đợt thu gom.

+ Thu gom phân gà và đệm sinh học cho vào bao và cột kín để hạn chế phát tán mùi, mầm bệnh ra bên ngoài trong quá trình thu gom, vận chuyển.

+ Bố trí khu vực riêng biệt trong kho chứa thức ăn để lưu trữ bao chứa chất thải này, diện tích lưu chứa 5m².

+ Dùng bạt phủ kín thùng chứa của phương tiện vận chuyển, tránh gây rơi vãi dọc đường.

- Các loại chất thải rắn thông thường khác như thùng carton, chai nhựa không dính hoá chất độc hại sẽ được chủ cơ sở thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở được tổng hợp qua bảng sau:

Bảng 3.3. Các loại chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở

STT	Tên thiết bị	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang hỏng	16 01 06	2
2	Giẻ lau dính dầu nhớt thải	18 01 01	1
3	Chai lọ đựng vắc – xin, thuốc thú y	18 02 03	50
Tổng cộng		-	53

Để đảm bảo CTNH phát sinh không làm ảnh hưởng đến chất lượng môi trường tại khu vực, chủ cơ sở áp dụng các giải pháp như sau:

- Các chai lọ đựng vắc – xin, thuốc thú y sẽ được lưu trữ trong kho chứa và được Công ty cổ phần chăn nuôi C.P Việt Nam thu hồi lại.

- Các loại CTNH còn lại phát sinh tại cơ sở sẽ được chủ cơ sở thu gom, lưu trữ trong các thùng chứa riêng biệt: có dán nhãn, có nắp đậy kín và được đặt nơi khô ráo không bị ảnh hưởng bởi nước mưa. Chủ cơ sở sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

✚ Xác gia cầm chết do dịch bệnh

Tỉ lệ gia cầm chết thông thường chiếm khoảng 3% số lượng gia cầm thả nuôi tương đương 750 con/năm. Tuy nhiên khi có hiện tượng gia cầm chết hàng loạt mà chủ cơ sở xác định là do dịch bệnh thì sẽ được xử lý theo quy định tại Điều 26 thuộc Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15/3/2005, cụ thể như sau:

- Động vật mắc bệnh, xác động vật mắc bệnh, nghi mắc bệnh thuộc danh mục các bệnh phải công bố dịch mà theo quy định phải tiêu hủy; Các chất

độn chuồng, chất thải của động vật phải được đốt hoặc chôn sâu dưới đất theo hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thú y và phải bảo đảm quy trình kỹ thuật về môi trường.

- Xác động vật mắc bệnh nhiệt thán và chất độn chuồng, chất thải của chúng phải được đốt, chôn và đổ bê tông các hố chôn động vật dưới sự giám sát, chứng nhận của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thú y cấp có thẩm quyền, theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân các cấp.

- Trong trường hợp bắt buộc phải xây dựng các công trình trên hố chôn động vật thì chủ công trình phải tuân theo mọi hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thú y cấp tỉnh trong việc đào, tiêu huỷ toàn bộ các chất trong hố chôn, vệ sinh, tiêu độc môi trường tại nơi đó.

3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

3.5.1. Đối với máy phát điện

Để giảm thiểu các tác động của thiết bị này, chủ cơ sở thực hiện một số biện pháp như sau:

- Máy phát điện được đặt trong khu vực riêng, cách xa nơi làm việc của công nhân. Nền móng đặt máy phát điện được gia cố chắc chắn.
- Máy phát điện được đặt trên các bệ đúc có móng chắc chắn, đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật, lắp đặt đệm cao su và lò xo chống run.
- Chọn mua máy phát điện đạt tiêu chuẩn chất lượng.
- Bảo trì định kỳ cho máy phát điện.

3.5.2. Đối với tiếng ồn do gia cầm

Đây là đặc trưng của hoạt động chăn nuôi gia cầm, tuy nhiên do khu vực cơ sở cách xa khu dân cư nên mức độ ảnh hưởng là không đáng kể. Chủ cơ sở sẽ thực hiện một số biện pháp nhằm hạn chế tác động đến môi trường xung quanh như sau:

- Yêu cầu các nhân viên kiểm tra tình trạng sức khỏe của gia cầm hàng ngày; bố trí mật độ nuôi gia cầm hợp lý, tránh tình trạng chật chội; đảm bảo cung cấp kịp thời nhu cầu thức ăn cho gia cầm, hạn chế tiếng ồn phát sinh do gia cầm đói.
- Bố trí chuồng trại hợp lý, cách xa khu vực nghỉ ngơi của công nhân.
- Hạn chế vận chuyển gia cầm vào ban đêm để giảm thiểu tiếng ồn ảnh hưởng đến khu vực xung quanh.
- Trồng cây xanh bao quanh khuôn viên trại để góp phần giảm thiểu tiếng ồn phát tán ra khu vực xung quanh.

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

3.6.1. Sự cố hoá chất

Hóa chất của cơ sở chủ yếu là thuốc dùng cho gia cầm và chất khử trùng. Hầu hết hóa chất này được chứa trong các bao bì theo quy định nên khá an toàn. Tuy nhiên, chủ cơ sở thực hiện nghiêm ngặt các quy định về việc vận chuyển, lưu trữ hóa chất như sau:

- Hóa chất tồn trữ trong kho được chứa đựng trong các bao bì theo quy định của nhà sản xuất, đảm bảo kín, chắc chắn;
- Hóa chất được đặt trong kho theo nhóm, bố trí riêng biệt để đảm bảo an toàn hóa chất;
- Hóa chất dạng lỏng chứa trong can nhựa chuyên dụng;
- Công nhân thao tác được phổ biến kiến thức về từng loại hóa chất, cách sử dụng cũng như tính chất nguy hiểm, cách ứng phó với sự cố tràn đổ, rò rỉ hóa chất hay hóa chất dính vào cơ thể.
- Hóa chất có dán nhãn tên hóa chất và hướng dẫn sử dụng.

3.6.2. Sự cố cháy nổ

Các biện pháp phòng ngừa sự cố cháy nổ sẽ thực hiện như sau:

- Về an toàn kỹ thuật điện: tất cả các bộ phận đều có bảng nội quy an toàn kỹ thuật điện tại nơi làm việc, đảm bảo công nhân phải tuân thủ đúng nội quy không để xảy ra sự cố.
- Tập huấn, hướng dẫn cách PCCC cho công nhân.
- Trang bị bình chữa cháy cầm tay bố trí tại các khu vực có nguy cơ cháy nổ.
- Sử dụng thiết bị điện, dây dẫn điện đạt tiêu chuẩn chất lượng để phòng ngừa sự cố về điện xảy ra; kịp thời thay thế, sửa chữa nếu bị hư hỏng.
- Khi xảy ra cháy, nhanh chóng sử dụng các phương tiện chữa cháy tại chỗ để dập lửa, ngăn không cho đám cháy lan ra các khu vực xung quanh; Thông báo cho Cảnh sát PCC và chính quyền địa phương để nhanh chóng phối hợp chữa cháy.

3.7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

3.7.1. Bảo quản và sử dụng thuốc, vacxin

Tại cơ sở, cacxin và một số loại thuốc thú y được bảo quản trong tủ lạnh bố trí tại kho chứa thức ăn. Các loại thuốc khác được bảo quản trong các tủ chuyên dùng. Tất cả các loại vắc xin và thuốc thú y đều được ghi rõ nhãn mác, được bố trí riêng rẽ. Sử dụng thuốc theo đúng kế hoạch được cung ứng bởi Công ty cổ phần chăn nuôi C.P Việt Nam. Ghi chép rõ ràng việc xuất, nhập, số

lượng sử dụng. Lưu giữ bao bì, chai lọ đựng vắc xin, thuốc để bàn giao đầy đủ cho đơn vị cung ứng thực hiện thu hồi theo đúng thỏa thuận.

3.7.2. Kiểm soát các loài gặm nhấm, côn trùng

Biện pháp kiểm soát các loài gặm nhấm, côn trùng đã và đang được áp dụng tại cơ sở như sau:

- Giữ khu vực nhà kho, khu lưu trữ thông thoáng, sạch sẽ, để tránh là nơi cư trú của côn trùng, các loài gặm nhấm. Khi phát hiện có chuột, côn trùng phải có biện pháp xử lý ngay.

- Sử dụng các thuốc diệt chuột, côn trùng, bẫy trên cơ sở tuân thủ một cách nghiêm ngặt theo quy định của Nhà nước và phải được nghiên cứu kỹ trước khi dùng để tiêu diệt gặm nhấm, côn trùng.

3.7.3. Các biện pháp phòng ngừa dịch bệnh

Biện pháp phòng ngừa dịch bệnh được áp dụng tại cơ sở như sau:

- Chích ngừa vắc xin cho gà theo hướng dẫn của nhà sản xuất và bác sĩ thú y.

- Vệ sinh môi trường sạch sẽ tại khu vực chuồng trại và xung quanh để hạn chế các loài động vật lây nhiễm và vi sinh vật gây bệnh có điều kiện phát triển.

- Duy trì môi trường nuôi thông thoáng, sạch sẽ.

- Kiểm tra tình trạng sức khỏe của gia cầm hàng ngày để phát hiện kịp thời trường hợp gia cầm bệnh và thực hiện nuôi cách ly gia cầm bệnh.

Chủ cơ sở thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh theo Pháp lệnh Thú y và QCVN 01:15:2010/BNNPTNT như sau:

- Xây dựng vùng cách ly, các chương trình khống chế một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm của gia cầm và bệnh từ gia cầm lây sang người.

- Sử dụng thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y có trong danh mục thuốc thú y được phép lưu hành tại Việt Nam, danh mục chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y được phép lưu hành tại Việt Nam.

- Thực hiện đúng hướng dẫn sử dụng hoặc chỉ dẫn của bác sỹ, kỹ thuật viên của cơ quan thú y, người được phép lưu hành nghề thú y.

- Chuồng trại được vệ sinh, khử trùng tiêu độc, diệt mầm bệnh các loài động vật trung gian truyền bệnh theo chế độ định kỳ và sau mỗi đợt nuôi.

- Dụng cụ dùng trong chăn nuôi phải được vệ sinh trước khi đưa vào sử dụng.

- Sử dụng con giống đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng giống vật nuôi theo quy định của pháp luật về giống vật nuôi, không mang mầm bệnh truyền nhiễm đã được kiểm dịch và áp dụng các biện pháp phòng bệnh bắt buộc.

- Thức ăn chăn nuôi bảo đảm tiêu chuẩn vệ sinh thú y, không gây hại cho động vật và người sử dụng sản phẩm động vật.

- Sử dụng nước sạch trong chăn nuôi để hạn chế gây bệnh cho gia cầm.

- Tất cả các công nhân trước khi vào khu chăn nuôi phải mặc quần áo bảo hộ, mang ủng của trại và thực hiện sát trùng;

- Định kỳ phun thuốc sát trùng xung quanh khu chăn nuôi, các chuồng nuôi ít nhất 1 lần/2 tuần; phun thuốc sát trùng lối đi trong khu chăn nuôi và các dãy chuồng nuôi ít nhất 1 lần/tuần khi không có dịch bệnh, và ít nhất 1 lần/ngày khi có dịch bệnh; phun thuốc sát trùng trên gia cầm 1 lần/tuần khi có dịch bệnh bằng các dung dịch sát trùng thích hợp theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

- Để chống lây nhiễm chéo: Trang trại thực hiện không vận chuyển gia cầm, thức ăn, chất thải hay vật dụng khác chung một phương tiện; phải thực hiện sát trùng phương tiện vận chuyển trước và sau khi vận chuyển.

- Thực hiện các quy định về tiêm phòng cho đàn gia cầm theo quy định. Trong trường hợp trại có dịch, phải thực hiện đầy đủ các quy định hiện hành về chống dịch.

- Áp dụng phương thức chăn nuôi “cùng vào cùng ra” theo thứ tự ưu tiên, từng chuồng.

- Lối ra vào khu chăn nuôi phải được áp dụng các biện pháp vệ sinh, khử trùng cho người và phương tiện vận chuyển đi qua. Bố trí khu vực sát trùng cho người tại nhà bảo vệ, có hệ thống vòi phun xịt thuốc sát trùng cho xe cộ ra vào.

- Nơi chứa thức ăn chăn nuôi phải cách biệt với nơi để các hóa chất độc hại.

- Thực hiện việc giám sát các tiêu chuẩn môi trường, theo dõi dấu hiệu dịch bệnh theo tần suất và phương pháp quy định nhằm phát hiện và xử lý kịp thời dịch bệnh ngay từ khi mới phát sinh.

- Cập nhật thông tin khi ổ dịch đang lan rộng và tuân thủ mọi hướng dẫn của cơ quan có chức năng.

Biện pháp xử lý khi có dịch bệnh xảy ra đối với gia cầm tại cơ sở:

- Đối với gia cầm bệnh chết nhỏ lẻ:

+ Chủ cơ sở sẽ thông báo với Tổ chức thú y tại địa phương, kết hợp với đơn vị thú y bố trí vị trí chôn lấp, tiêu hủy gia cầm bệnh theo đúng nguyên tắc.

+ Khử trùng chuồng nuôi gia cầm có gia cầm chết vì bệnh;

+ Tiến hành nuôi cách ly các gia cầm cùng chuồng với gia cầm chết để theo dõi tình trạng phát triển dịch bệnh. Sau khi theo dõi 7 – 10 ngày, nếu không thấy dấu hiệu có thêm gia cầm mắc bệnh thì đưa về chuồng nuôi ban đầu.

- Đối với gia cầm bệnh bị chết hàng loạt: Chủ cơ sở sẽ thông báo với các đơn vị chức năng, hợp tác xử lý một cách triệt để nhằm hạn chế dịch bệnh lây lan rộng cũng như đảm bảo tốt nhất không cho dịch bệnh lây lan sang người. Cụ thể như sau:

+ Chủ cơ sở sẽ có văn bản báo cáo tình hình gia cầm chết do dịch bệnh: số lượng gia cầm chết, nguyên nhân gia cầm chết, loại bệnh,...

+ Đề ra phương án tiêu hủy gia cầm bệnh và xin sự hỗ trợ, góp ý của cán bộ thú y, của chính quyền địa phương để có biện pháp xử lý tối ưu nhất.

+ Khi xử lý gia cầm bệnh xong, chủ cơ sở sẽ có biên bản xử lý gửi đến cơ quan chức năng có liên quan.

+ Kết hợp với chính quyền địa phương thông báo, tuyên truyền diễn biến của dịch bệnh để các trang trại, các hộ chăn nuôi lân cận biết cách phòng tránh.

Chương IV
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

Lượng nước thải trong quá trình hoạt động tương đối ít không thải ra môi trường nên không đề nghị cấp phép đối với nguồn thải này.

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:

Do loại hình đặc thù của cơ sở, quá trình hoạt động cơ sở không làm phát sinh khí thải nên không đề nghị cấp phép đối với nguồn thải này.

4.3. Nội dung cấp phép đối với tiếng ồn:

- Nguồn phát sinh: từ 02 chuồng nuôi trong cơ sở.
- Vị trí phát sinh nguồn ồn: tại ấp Truôn, xã Hoà Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, cụ thể như sau:
 - + Chuồng nuôi 1: Tọa độ (hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°): X=1097291, Y=596156
 - + Chuồng nuôi 2: Tọa độ (hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°): X=1097345, Y=596263
- Các thông số ô nhiễm và giá trị giới hạn của các thông số ô nhiễm đề nghị cấp phép áp dụng theo QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Khu vực thông thường.
- Giới hạn thông số tiếng ồn được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 4.1. Bảng giá trị giới hạn tiếng ồn

Thông số	Đơn vị	Giá trị		Quy chuẩn quy định
		Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ	
Tiếng ồn	dBA	70	55	QCVN 26:2010/BTNMT - Khu vực thông thường

CHƯƠNG V KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Từ khi đi vào hoạt động đến nay, cơ sở chưa thực hiện chương trình quan trắc môi trường định kỳ. Do đó, để phục vụ cho việc thực hiện hồ sơ môi trường, chủ cơ sở đã phối hợp với đơn vị lấy mẫu, phân tích mẫu là Công ty Cổ phần Xây dựng và Môi trường Đại Phú ngày 06/01/2023 để thực hiện đo đạc chất lượng môi trường không khí khu vực xung quanh cơ sở.

5.1. Kết quả quan trắc chất lượng không khí xung quanh

Kết quả quan trắc chất lượng không khí tại khu vực bên trong cơ sở được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 5.1. Kết quả quan trắc chất lượng không khí tại khu vực bên trong cơ sở

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 05:2013/BTNMT
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	87	300 ⁽¹⁾
2	NO ₂	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	54	200 ⁽¹⁾
3	SO ₂	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	62	350 ⁽¹⁾
4	H ₂ S	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	<17,3	42 ⁽²⁾
5	NH ₃	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	<35,4	200 ⁽²⁾
6	CO	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	<9.000	30.000 ⁽²⁾
7	Tiếng ồn	dBA	54,7	70 ⁽³⁾

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Môi trường Đại Phú, 2023)

*Chú thích:

1. (1) QCVN 05:2013/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

2. (2) so sánh với QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

3. (3) so sánh với QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

*Nhận xét:

Qua kết quả phân tích tại bảng trên cho thấy các thông số đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh, QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh và tiếng ồn

phát sinh cũng nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 26:2010/BTNMT. Điều này chứng tỏ hoạt động của cơ sở không làm ảnh hưởng đến môi trường không khí xung quanh.

Chương VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN QUẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Theo quy định tại khoản 2 Điều 111 và khoản 2 Điều 112 Luật Bảo vệ Môi trường 2020 và điểm a khoản 1 Điều 97 và điểm b khoản 1 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ: Hoạt động của cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc môi trường. Do đó, chủ cơ sở không đề xuất chương trình giám sát môi trường ở chương này.

Tuy nhiên trong quá trình hoạt động, Chủ cơ sở sẽ luôn tuân thủ và chấp hành tốt pháp luật về bảo vệ môi trường.

Chương VII
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Ngày 28/12/2022, Đoàn kiểm tra của UBND huyện Châu Thành đã đến kiểm tra về việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường tại cơ sở. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo kết luận của Đoàn kiểm tra như sau:

- Lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cấp huyện theo quy định trong vòng 30 ngày kể từ ngày lập biên bản kiểm tra.
- Thực hiện quản lý, xử lý chất thải chăn nuôi (phân gà) và chất thải nguy hại theo quy định.
- Sử dụng chế phẩm hạn chế mùi phun xịt thường xuyên.

CHƯƠNG VIII CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

- Các số liệu, dữ liệu của Chủ cơ sở dùng làm cơ sở đánh giá trong báo cáo chủ yếu dựa vào số liệu thống kê thực tế tại cơ sở trong thời gian hoạt động trong thời gian qua nên có mức độ tin cậy và độ chính xác cao cũng như phù hợp hoạt động của cơ sở trong thời gian tới.

- Chủ cơ sở cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm, vận hành thường xuyên các công trình xử lý nêu trong báo cáo. Cam kết xử lý nước thải, bụi, khí thải và các chất thải khác đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường Việt Nam hiện hành.

- Chủ cơ sở cam kết tuân thủ các quy định chung về bảo vệ môi trường có liên quan đến cơ sở. Cam kết thực hiện các quy định của pháp luật về công tác phòng chống cháy nổ, an toàn lao động, hóa chất và các quy định khác có liên quan đến hoạt động của cơ sở.

- Chủ cơ sở cam kết đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp để xảy ra các sự cố trong quá trình hoạt động của cơ sở.

- Chấp hành chế độ thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

PHỤ LỤC BÁO CÁO

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH

Số: 58C8001593

Đăng ký lần đầu, ngày

Đăng ký thay đổi lần thứ 3, ngày 9 tháng 1 năm 2023

1. Tên hộ kinh doanh: TƯ DUNG

2. Địa chỉ trụ sở hộ kinh doanh: Ấp Truôn, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Điện thoại: 0989252752

Fax:

Email:

Website:

3. Ngành, nghề kinh doanh: hoạt động ấp trứng và sản xuất giống gia cầm (01461).
Chăn nuôi gia cầm (0146). Bán buôn thực phẩm (4632).

Chi tiết: Sản xuất trứng gia cầm. Chăn nuôi gia cầm. Mua bán trứng gia cầm.

4. Vốn kinh doanh: 500.000.000 đồng.

5. Chủ thể thành lập hộ kinh doanh: Cá nhân

6. Thông tin về chủ hộ kinh doanh

Họ và tên: NGUYỄN THANH HIỀN

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 20/09/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Căn cước công dân.

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 084081007336

Ngày cấp: 14/04/2022

Nơi cấp: Cục trưởng cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ thường trú: Ấp Bãi Vàng, xã Hưng Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Địa chỉ liên lạc: Ấp Bãi Vàng, xã Hưng Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Ghi chú: Hộ kinh doanh phải thực hiện đăng ký thuế trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày được cấp (lần đầu hoặc thay đổi) giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, nếu quá thời hạn trên sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính theo Luật định. (Trích từ thông tư số 95/2016/TT-BTC), ngày 28/06/2016 của Bộ Tài Chính).

TRƯỞNG PHÒNG



Phạm Trường Sanh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

Căn cứ Thông tư số 27/2011/TT-BNNPTNT ngày 13/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn tiêu chí và thủ tục cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại

CHỨNG NHẬN

Trang trại của Ông (bà): **NGUYỄN THỊ DUNG** năm sinh: 1959
Hộ khẩu thường trú: Ấp Bãi Vàng, xã Hưng Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

ĐẠT TIÊU CHÍ KINH TẾ TRANG TRẠI

Địa điểm trang trại: Ấp Truôn, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.
Lĩnh vực sản xuất của trang trại: Nuôi gà đẻ trứng.

Số *02*...../CNKTTT

Châu Thành, ngày *31* tháng *5* năm 2017

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Dũng

UBND HUYỆN CHÂU THÀNH
ĐOÀN KIỂM TRA
(Theo Quyết định số 3183/QĐ-UBND
ngày 25/7/2022 của UBND huyện)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Châu Thành, ngày 28 tháng 12 năm 2022

BIÊN BẢN

Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của dự án đầu tư/cơ sở

Đoàn kiểm tra được thành lập theo Quyết định số 3183/QĐ-UBND ngày 25/7/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành về việc thành lập Đoàn kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện Châu Thành tiến hành kiểm tra thực tế tại dự án/cơ sở: ... Châu Nhuận Gia Đế

Nguyễn Thanh Hiến

- Thời gian: từ 13 giờ 30 phút, ngày 28 tháng 12 năm 2022

- Địa điểm: Ấp Xuân, xã Hòa Lợi

I. Thành phần Đoàn kiểm tra:

1.1. Thành viên có mặt:

Ông/bà: Ông Nguyễn Hồng Khâm Chức danh: Trưởng đoàn

Ông/bà: Ông Nguyễn Quốc Chấn Chức danh: Thành viên

Ông/bà: Ông Nguyễn Thanh Phú Chức danh: Thành viên

Ông/bà: Bà Kim Thanh Giang Chức danh: Ủy ban nhân dân ấp

Ông/bà: Chức danh:

Ông/bà: Chức danh:

Ông/bà: Chức danh:

Ông/bà: Chức danh:

1.2. Thành viên vắng mặt:

Ông/bà: Nguyễn Hồng Hiến Chức danh: Thành viên

Lý do vắng mặt: Đi công tác

Ông/bà: Lê Hoa Nam Chức danh: Thành viên

Lý do vắng mặt: Châu Nhuận Gia Đế

II. Đại diện chủ dự án/cơ sở:

Nguyễn Thanh Hiến



- Với sự tham gia của:

Trên cơ sở kết quả kiểm tra, kết quả trao đổi, thảo luận giữa các thành viên Đoàn kiểm tra và giữa thành viên Đoàn kiểm tra với chủ dự án/cơ sở, các bên thống nhất các nội dung sau:

III. Kết quả kiểm tra:

1. Thông tin dự án/cơ sở:

Tên chủ dự án: Nguyễn Thanh Hiền

Địa chỉ trụ sở: Xã Thuận, Huyện Hải

SĐT liên hệ chủ dự án/chủ cơ sở: 0989 252 782

Tổng mức đầu tư: 06 tỷ đồng

Loại hình hoạt động: Chăn nuôi gà thịt

Quy mô, công suất: 50.000 con gà/năm

Công nghệ sản xuất của cơ sở:

..... Áp dụng đèn sưởi gà thả nuôi không có quạt

Diện tích đất sử dụng: 8000 m², số thửa, tờ bản đồ

Hình thức (thuê/đất nhà): Đất nhà

Số lượng công nhân hiện tại: 04 người.

Tình trạng hoạt động của cơ sở:

+ Chưa hoạt động, đang thi công xây dựng:

+ Đang hoạt động: ✓

Thời gian vào hoạt động: từ tháng năm 2016 đến nay.

2. Xử lý nước thải:

Nước mưa chảy tràn (có hay không có thu gom vào hệ thống thu gom): Thu gom vào hệ thống thu gom sau đó vào hồ lắng và ao lắng

Nước thải sinh hoạt:

Tổng lượng phát sinh: 04 m³/ngày.đêm; biện pháp xử lý (có hay không có qua hầm tự hoại?): ✓, thể tích hầm tự hoại: 04 m³. Định kỳ thuê hút hầm hay có điểm ra ra nguồn tiếp nhận nước thải: ✓

Nước thải sản xuất (nếu có):

Tổng lượng phát sinh:m3/ngày.đêm; biện pháp xử lý (có hay không có xử lý):.....; công suất hệ thống/công trình xử lý nước thải:m3/ngày.đêm. Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải:.....

.....*Không phát sinh*.....

Nguồn tiếp nhận nước thải:

3. Xử lý bụi, khí thải (nếu có):

Bụi:.....*phát thải gas, bụi, dầu (không đạt)*.....

Khói, khí thải:.....

Mùi hôi:.....*phát thải gas, bụi, dầu (không đạt), mùi hôi (không đạt)*.....

4. Tiếng ồn, độ rung (nếu có):

Nguồn phát sinh:.....*không đạt*.....

Xử lý/giảm thiểu:.....

Hoạt động ban đêm (có hay không có):.....

Thời gian hoạt động trong ngày:

5. Thiết bị xử lý, lưu giữ chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt:

Lượng phát sinh :*02*.....kg/ngày. Biện pháp xử lý (có hay không có hợp đồng với đơn vị chức năng xử lý theo quy định):.....*Thu gom vào bao tải 120 lít rác*.....

- Chất thải rắn công nghiệp:

Lượng phát sinh :kg/ngày. Biện pháp xử lý (có hay không có hợp đồng với đơn vị chức năng xử lý theo quy định):.....*01 m³ thải mỗi 1 tháng 200 kg*.....
.....*lưu trữ trong thùng rác thu gom chất thải gas và bụi phát sinh*.....

6. Thiết bị lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:

Chủng loại: *Bóng đèn thải* /dầu thải /pin thải / mạch điện tử /khác.

Lượng phát sinh :*10*.....kg^{nguyên}/ngày. Biện pháp xử lý (có hay không có hợp đồng với đơn vị chức năng xử lý theo quy định):.....*Thu gom vào bao tải vào thùng rác*.....
.....*lưu trữ trong thùng rác thu gom chất thải gas và bụi phát sinh*.....

Kho lưu giữ (có hay không có):.....*không*.....Diện tích:.....m2.

7. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có):

.....*không*.....

IV. Ý kiến của các thành viên tham gia Đoàn kiểm tra:

.....

H. C
HỒN
NGU
VÀ
TRU
ANH

V. Kết luận:

Theo quy định Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Luật Đầu tư công 2019, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ TN-MT, xác định dự án/cơ sở thuộc hay không thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường cấp huyện.

Dự án/cơ sở thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường cấp huyện.

Dự án/cơ sở thuộc hay không thuộc đăng ký môi trường tại UBND cấp xã:

Các yêu cầu về bảo vệ môi trường tại dự án/cơ sở:

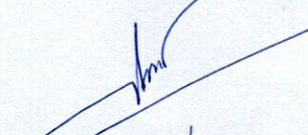
- Để phục vụ bảo vệ môi trường hiện tại một dự án sau:
- Lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cấp huyện theo quy định tại quy 30 này, khi bị yêu cầu cấp bổn bản lần đầu.
- Thực hiện quản lý, xử lý chất thải chôn lấp (phân gà) và chất thải nguy hại theo quy định.
- Có dự chi phân bổ chi phí phục vụ thực hiện.

VI. Ý kiến của chủ dự án/cơ sở:

Đồng nhất ý kiến


.....
Biên bản được lập vào hồi 14 giờ 15 phút cùng ngày, đã được đọc cho những người tham dự cùng nghe và thống nhất ký tên biên bản. Biên bản được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, Đoàn kiểm tra giữ 01 bản, chủ dự án/cơ sở giữ 01 bản để thực hiện./

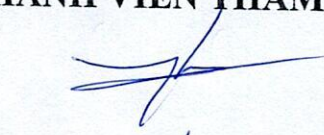
**ĐẠI DIỆN CHỦ DỰ ÁN/
CƠ SỞ**


.....
NGUYỄN THANH HIỀN


.....
ĐINH VĂN VIỆT

THƯ KÝ ĐOÀN


.....
NGUYỄN QUỐC CHÍNH
THÀNH VIÊN THAM GIA


.....
KIM THẾ CƯỜNG

TRƯỞNG ĐOÀN


.....
NGUYỄN TRỌNG KHẨM


.....
NGUYỄN MẠNH HÙNG





Mã số/ Ref. No: 00081/2023/PKQ (23.16)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Client's Name: TRẠI CHĂN NUÔI GIA CÀM NGUYỄN THANH HIỀN
2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: TRẠI CHĂN NUÔI GIA CÀM NGUYỄN THANH HIỀN - ấp Truôn, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh
3. Loại mẫu/ Type of sample: Không khí xung quanh
4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu/ Sampling locations
23.0016.K.01	Khu vực bên trong cơ sở

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) / Sample date (Sample receipt): 06/01/2023

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 11/01/2023

7. Bảng kết quả/ Results table

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result	QCVN Không khí xung quanh
				23.0016.K.01	Trung bình 1 giờ
1	Tiếng ồn ^(a)	dB(A)	TCVN 7878-2:2018	54,7	70 ⁽¹⁾
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(a)	µg/m ³	TCVN 5067:1995	87	300 ⁽²⁾
3	NO ₂ ^(a)	µg/m ³	TCVN 6137:2009	54	200 ⁽²⁾
4	SO ₂ ^(a)	µg/m ³	TCVN 5971:1995	62	350 ⁽²⁾
5	H ₂ S ^(a)	µg/m ³	MASA 701	<17,3	42 ⁽³⁾
6	NH ₃ ^(a)	µg/m ³	MASA 401	<35,4	200 ⁽³⁾
7	CO ^(a)	µg/m ³	SOP-H16	<9.000	30.000 ⁽²⁾

Chú thích/ Remarks:

- (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.
- (1): QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, khu vực thông thường (từ 6 giờ - 21 giờ).
- (2): QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.
- (3): QCVN 06:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 01 năm 2023



ĐOÀN THỊ THỦY

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CHỨNG NHẬN

ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Số hiệu: **VIMCERTS 292**

(Cấp lần 01)

Tên tổ chức:

Công ty cổ phần xây dựng và môi trường Đại Phú

Trụ sở chính và Phòng thí nghiệm: 156 đường Vườn Lài, phường An Phú Đông, quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

Quyết định số: **218** /QĐ-BTNMT ngày **27** tháng **01** năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

Người đứng đầu tổ chức:

Họ và tên: Đoàn Thị Thuý Chức vụ: Giám đốc

Số CMT: 025532917

Nơi cấp: Công an Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày cấp: 15 tháng 11 năm 2011

Thời hạn của Giấy chứng nhận: Ba (03) năm

Kể từ ngày ký đến hết ngày **26** tháng **01** năm 2025

LĨNH VỰC VÀ PHẠM VI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

I. QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

1. Nước:

- Nước mặt:	Lấy mẫu: 05	Đo tại hiện trường: 08 thông số
- Nước thải:	Lấy mẫu: 02	Đo tại hiện trường: 07 thông số
- Nước biên:	Lấy mẫu: 04	Đo tại hiện trường: 07 thông số
- Nước dưới đất:	Lấy mẫu: 02	Đo tại hiện trường: 08 thông số

2. Khí:

- Không khí xung quanh:	Lấy mẫu: 34	Đo tại hiện trường: 07 thông số
- Khí thải:	Lấy mẫu: 32	Đo tại hiện trường: 12 thông số

3. Đất:

Lấy mẫu: 01

4. Bùn:

Lấy mẫu: 01

5. Trầm tích:

Lấy mẫu: 01

6. Chất thải rắn:

Lấy mẫu: 01

II. PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

1. Nước:

- Nước mặt:	37 thông số
- Nước thải:	38 thông số
- Nước biên:	22 thông số
- Nước dưới đất:	35 thông số

2. Khí:

- Không khí xung quanh:	19 thông số
- Khí thải:	10 thông số

3. Đất:

13 thông số

4. Bùn:

15 thông số

5. Trầm tích:

08 thông số

6. Chất thải rắn:

10 thông số

(Chi tiết phương pháp thử, giới hạn phát hiện của các thông số được chứng nhận kèm theo Quyết định số: **218** /QĐ-BTNMT ngày **27** tháng **01** năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)./

Hà Nội, ngày **27** tháng **01** năm 2022

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG



Võ Tuấn Nhân

QUY ĐỊNH SỬ DỤNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Tổ chức được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường phải thực hiện nghiêm chỉnh các quy định sau:

1. Xuất trình Giấy chứng nhận khi có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
2. Cấm sửa chữa, tẩy xóa, giả mạo nội dung trong Giấy chứng nhận.
3. Cấm cho mượn, cho thuê và trao đổi Giấy chứng nhận
4. Cấm hoạt động không đúng phạm vi, lĩnh vực theo Giấy chứng nhận được cấp.
5. Làm thủ tục đăng ký gia hạn, cấp lại, điều chỉnh nội dung tại Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



GIẤY CHỨNG NHẬN

**ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG
DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG**

Số hiệu: VIMCERTS 292

Số: 218 /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện
hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 19/2015/TT-BTNMT ngày 23 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc thẩm định điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và mẫu giấy chứng nhận;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Quyết định số 796/QĐ-BTNMT ngày 27 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy trình thi điểm liên thông giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực quan trắc môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Hồ sơ đề nghị thực hiện quy trình thủ tục liên thông giải quyết thủ tục chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường và chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường của Công ty cổ phần xây dựng và môi trường Đại Phú;

Căn cứ kết quả thẩm định của Tổng cục Môi trường về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường và chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường đối với Công ty cổ phần xây dựng và môi trường Đại Phú;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chứng nhận "Công ty cổ phần xây dựng và môi trường Đại Phú", địa chỉ tại 156 đường Vườn Lài, phường An Phú Đông, quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, đã đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường (số đăng ký **292/TN-QTMT**) theo quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (mã số **VIMCERTS 292**) theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (các Giấy chứng nhận kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Thông tin chi tiết về lĩnh vực và phạm vi chứng nhận tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Công ty cổ phần xây dựng và môi trường Đại Phú phải thực hiện đầy đủ quy định về chứng nhận theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định hiện hành của pháp luật.

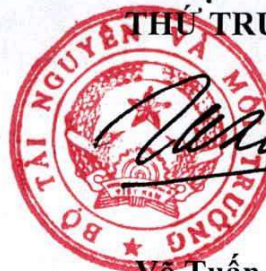
Điều 4. Quyết định này có hiệu lực 03 năm kể từ ngày ký.

Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường, Chánh Văn phòng Bộ và Công ty cổ phần xây dựng và môi trường Đại Phú chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

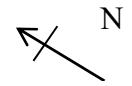
Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Sở TN&MT Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT, VPMC, TCMT, QLCL(10).

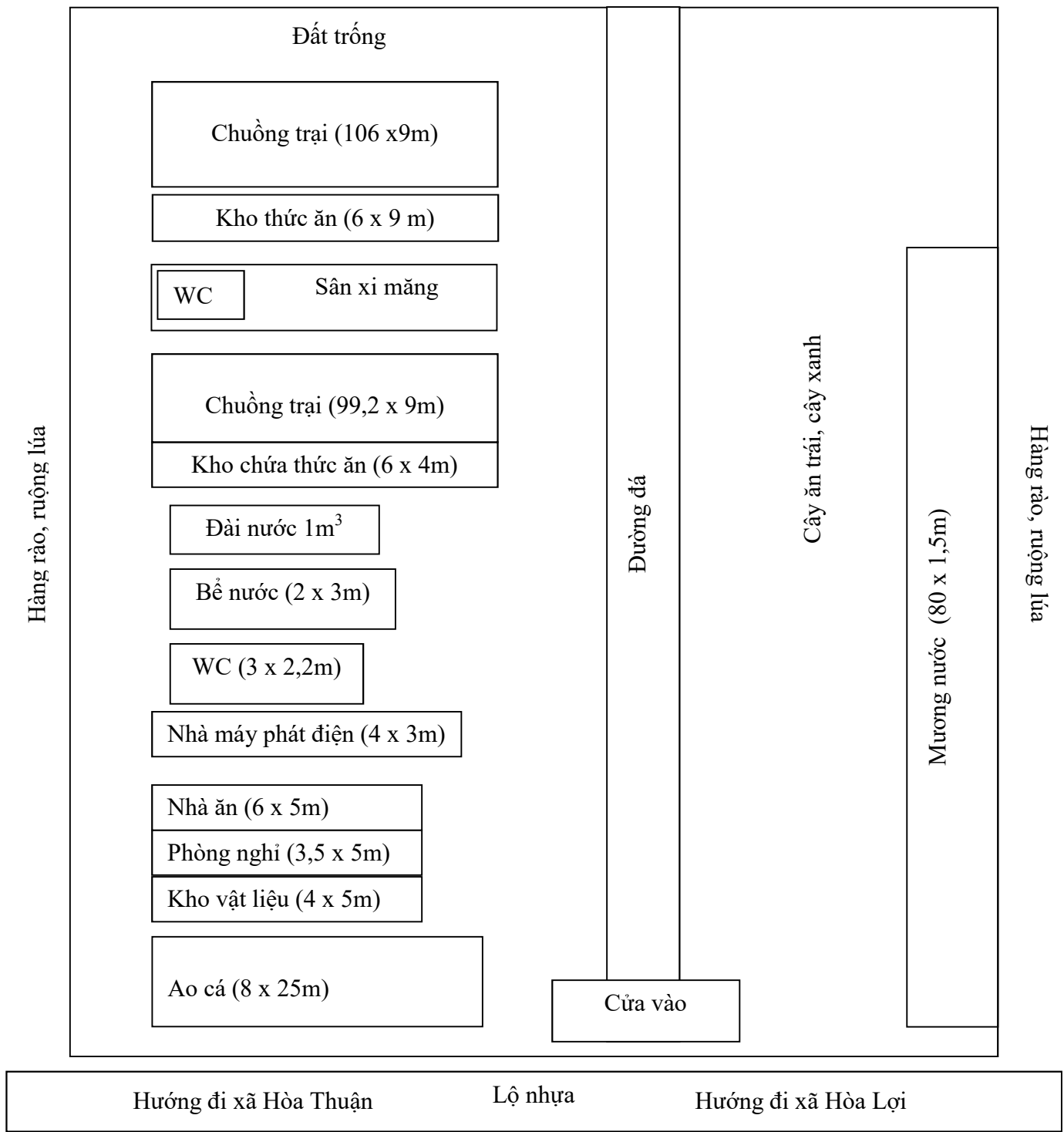
**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



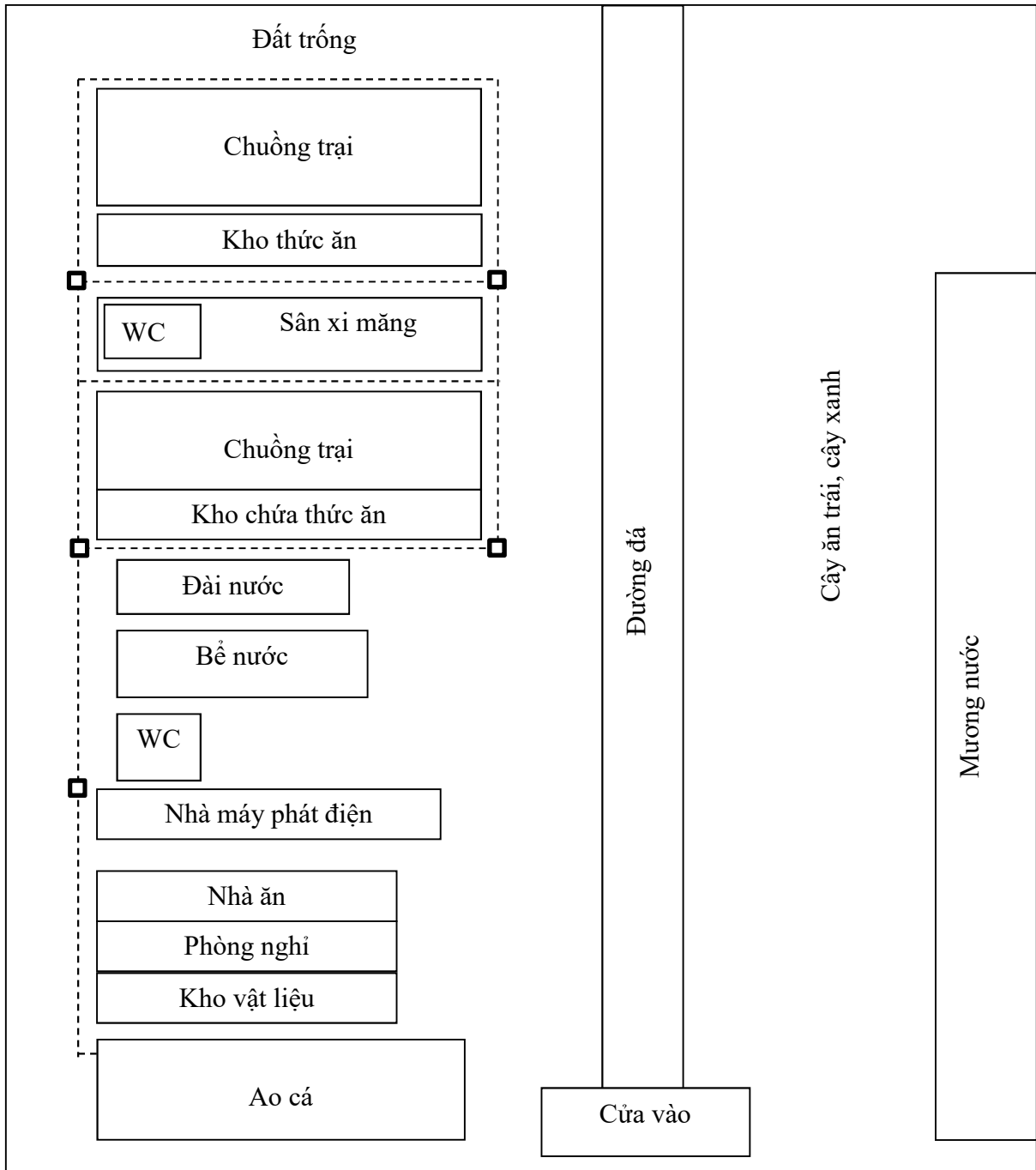
Võ Tuấn Nhân



Ruộng lúa



Tên cơ sở
TRẠI CHĂN NUÔI GÀ TƯ DUNG
Đ/C: Ấp Truôn, xã Hoà Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh
Chủ cơ sở:
HỘ KINH DOANH TƯ DUNG
Tên bản vẽ
SƠ ĐỒ TRẠI CHĂN NUÔI GÀ

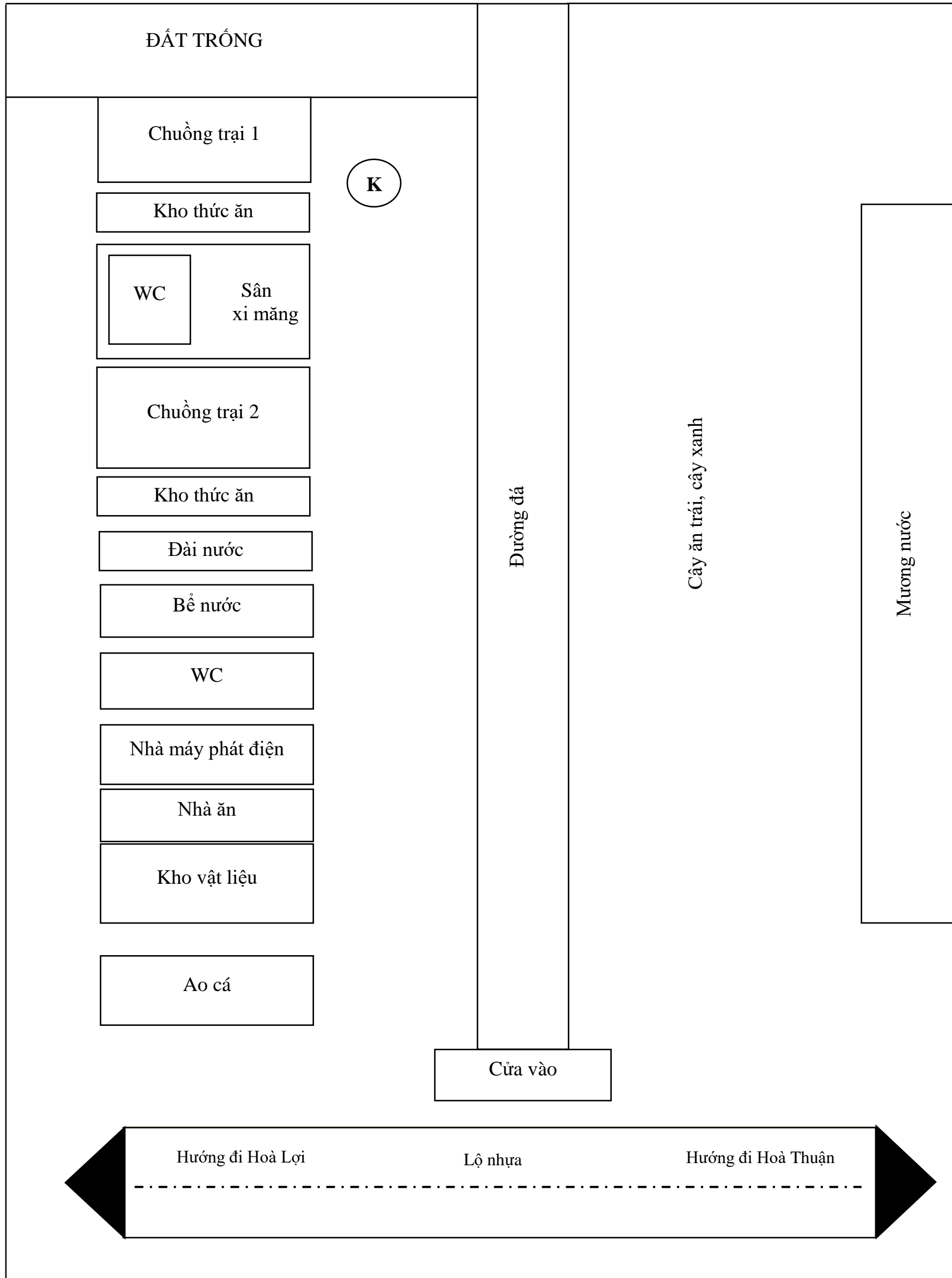


Hướng đi xã Hòa Thuận Lộ nhựa Hướng đi xã Hòa Lợi

Chú thích:
 ----- Đường dẫn nước thải
 □ Hồ ga

Tên cơ sở
TRẠI CHĂN NUÔI GÀ TƯ DUNG
Đ/C: Ấp Truôn, xã Hoà Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh
Chủ cơ sở:
HỘ KINH DOANH TƯ DUNG
Tên bản vẽ
SƠ ĐỒ THU GOM NƯỚC THẢI TRẠI CHĂN NUÔI GÀ

SƠ ĐỒ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG



CHÚ THÍCH

(K) Mẫu không khí xung quanh cơ sở

Tên cơ sở

TRẠI CHĂN NUÔI GÀ TƯ DUNG

Đ/C: Ấp Truôn, xã Hoà Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

Chủ cơ sở:

HỘ KINH DOANH TƯ DUNG

Tên bản vẽ

SƠ ĐỒ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG